

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 02 năm 2022

KẾ HOẠCH

Kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh Ninh Thuận năm 2022

Thực hiện Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Ninh Thuận năm 2022;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 tại các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố với các nội dung, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

- Đánh giá khách quan, toàn diện tình hình triển khai Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 trên các lĩnh vực quản lý của các Sở, ngành, địa phương; việc triển khai thực hiện các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực trọng tâm tại một số Sở, ngành, địa phương; chỉ ra những mặt còn hạn chế, tồn tại, kịp thời chấn chỉnh, đề xuất biện pháp, giải pháp để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ cải cách hành chính những năm tiếp theo.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tạo chuyển biến về kỷ luật, kỷ cương, hành chính của người đứng đầu, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công tác cải cách hành chính.

- Đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; kiến nghị sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính đạt mục tiêu đề ra. Đồng thời, qua kiểm tra phát hiện những nhân tố tích cực tại các đơn vị để biểu dương nhân rộng.

2. Yêu cầu:

- Việc kiểm tra phải đảm bảo khách quan, trung thực, có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương để không gây trở ngại đến hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra.

- Đơn đốc triển khai có kết quả một số nhiệm vụ trọng tâm về công tác cải cách hành chính năm 2022.

- Những đơn vị được kiểm tra cử cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm, nắm vững nghiệp vụ chuyên môn để phối hợp và cung cấp các thông tin, hồ sơ, biểu mẫu, phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn Kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ, đạt được mục đích đề ra.

- Kết quả kiểm tra phải được tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ theo quy định. Những kiến nghị của Đoàn kiểm tra phải được các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc và có báo cáo kết quả khắc phục. Trong trường

hợp cần thiết có thể thực hiện việc phúc tra, tái kiểm tra đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Thành viên Đoàn Kiểm tra có trách nhiệm sắp xếp công việc chuyên môn tham gia đầy đủ các buổi làm việc, kiểm tra theo đúng lịch trình và thời gian quy định nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Trong quá trình kiểm tra cần chấp hành nghiêm túc các quy định về phòng, chống Covid-19 theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA:

- Tất cả các nội dung liên quan đến công tác cải cách hành chính và kết quả triển khai các Chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS, ICT INDEX, DTI, DDCI.

- Việc triển khai và kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính, tập trung vào những nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch cải cách hành chính năm 2022 (*tính đến thời điểm kiểm tra*).

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. Tự kiểm tra:

Thủ trưởng các Sở, ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng tham gia xác định Chỉ số cải cách hành chính xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra công tác cải cách hành chính trong nội bộ ngành, địa phương (*kể cả các cơ quan, đơn vị trực thuộc*), đồng thời có báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Nội vụ (*theo mẫu Đề cương đính kèm*) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Kiểm tra thực tế theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Phương pháp kiểm tra:

- Kiểm tra thực tế việc tổ chức cung cấp dịch vụ hành chính công, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp tại các cơ quan, đơn vị và địa phương.

- Đoàn kiểm tra làm việc trực tiếp với lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra:

+ Nghe báo cáo tóm tắt do cơ quan, đơn vị, địa phương trình bày (*theo mẫu Đề cương đính kèm*) và những đề xuất, kiến nghị.

+ Trao đổi, thảo luận những vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

+ Trưởng Đoàn kiểm tra kết luận.

b) Đối tượng và thời gian kiểm tra:

- Đối tượng:

+ Sở Nội vụ; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Y tế; Sở Giao thông vận tải; Ban Dân tộc tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh (*riêng đối với Sở Nội vụ đã chủ động đề xuất lồng ghép nội dung kiểm tra cải cách hành chính vào Hội nghị tổng kết công tác ngành Nội vụ*).

+ Ủy ban nhân dân các huyện: Ninh Hải; Ninh Phước; Ninh Sơn; Thuận Bắc; Thuận Nam.

+ Ngoài ra, giao Sở Nội vụ tiếp tục theo dõi, chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra một số cơ quan, đơn vị khác trên cơ sở phân tích các Chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS, PCI, ICT, DTI được Trung ương công bố trong thời gian đến.

- **Thời gian kiểm tra cụ thể:** Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động bố trí Lịch công tác của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo đến các cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh: Trưởng Đoàn.
- Giám đốc Sở Nội vụ: Phó Trưởng Đoàn.
- Các thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cải cách hành chính và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh Ninh Thuận (theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Giao Sở Nội vụ làm đầu mối chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra theo đúng nội dung Kế hoạch đã đề ra; liên hệ và thông báo đến các cơ quan, đơn vị, địa phương về Kế hoạch kiểm tra. Đồng thời tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả sau kiểm tra.

2. Lãnh đạo các Sở, ngành, địa phương thuộc đối tượng kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị tốt nội dung phục vụ việc kiểm tra; xây dựng báo cáo theo Đề cương kèm theo Kế hoạch này và gửi về Đoàn Kiểm tra (**thông qua Sở Nội vụ trước 02 ngày sau khi có Thông báo thời gian kiểm tra cụ thể**), đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

- Báo Ninh Thuận, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh cử phóng viên tham gia cùng Đoàn kiểm tra, phản ánh kịp thời kết quả kiểm tra thực hiện cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những vướng mắc hoặc đề xuất cần thay đổi, bổ sung; đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (b/c);
- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên Tổ kiểm tra;
- Các Sở, ban, ngành;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Ninh Thuận;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: LĐ, các phòng, ban, đơn vị;
- Lưu: VT, VXNV. ĐNĐ

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo phục vụ kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND

ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN A:

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH:

- Công tác tham mưu cho Cấp ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Công tác xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch và các văn bản khác trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị, địa phương; công tác kiểm tra và việc thực hiện thông tin, tuyên truyền về công tác cải cách hành chính.

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong năm 2022 *(đến thời điểm kiểm tra)*.

- Công tác tổ chức thực hiện, giải pháp triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022. Việc triển khai thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao các Bộ Chỉ số liên quan đến công tác cải cách hành chính: PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Các sáng kiến, cải tiến, mô hình mới trong việc thực hiện công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đối với UBND các huyện, thành phố: Việc thực hiện đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính của UBND các huyện, thành phố đối với các xã, phường, thị trấn.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH:

1. Công tác cải cách thể chế:

Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; công tác kiểm tra, rà soát, theo dõi thi hành pháp luật.

2. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính:

- Việc rà soát, đề xuất cắt, giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cấp bản sao điện tử; việc công khai thủ tục hành chính; việc xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về quy định thủ tục hành chính; việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ; việc triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tròn quy trình giải quyết trên mạng điện tử; tích hợp kết nối dịch vụ công trực tuyến với cổng dịch vụ công quốc gia theo kế hoạch của Văn phòng Chính phủ; kết quả rà soát, đề xuất đơn giản hóa thủ tục hành chính; hoàn thiện các thủ tục hành chính tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh; kết quả giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa các cấp huyện; việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

3. Cải cách tổ chức bộ máy:

- Việc thực hiện các quy định về tổ chức bộ máy, công tác quản lý, sử dụng biên chế; quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Công tác cải cách tổ chức bộ máy: Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế hiện có; đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của bộ máy về Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII và việc triển khai thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

4. Cải cách chế độ công vụ:

- Việc tuyển dụng viên chức; kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện văn hóa công vụ của cán bộ, công chức, viên chức; công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức.

5. Công tác cải cách tài chính công:

Việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý đối với các cơ quan nhà nước; về tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công.

6. Việc xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

- Tình hình thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số năm 2022.

- Việc gửi nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

- Việc sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hộp thư công vụ trong trao đổi công việc.

- Việc sử dụng chữ ký số để phát hành văn bản điện tử. Việc thực hiện báo cáo Chỉ số Chuyển đổi số.

- Việc thực hiện các thủ tục quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

7. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai các giải pháp nâng cao các Chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS, ICT, DTI, DDCI:

- Việc lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai các giải pháp nâng cao các trục nội dung do các Sở, ban, ngành chịu trách nhiệm phụ trách trong Chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS của tỉnh (*đối với các Sở, ban, ngành được giao phụ trách các trục nội dung trong Chỉ số PAR INDEX, PCI, PAPI, SIPAS, ICT, DTI của tỉnh*).

- Việc triển khai các giải pháp đẩy mạnh, cải thiện, nâng cao xếp hạng cải cách hành chính, xếp hạng mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và nâng cao Chỉ số DDCI tại cơ quan, đơn vị, địa phương (*đối với tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương*).

PHẦN B:

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG TRIỂN KHAI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG:

1. Thuận lợi
2. Khó khăn

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG TRONG THỜI GIAN TỚI:

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

Nêu những kiến nghị, đề xuất với Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan để đẩy mạnh cải cách hành chính trong thời gian tới.
